

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Ông Võ Hoàng Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Bích L**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Số 7X ấp K, xã Y, thị xã C, tỉnh D (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn Minh P**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp Ay, xã B, huyện N, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Võ Bích L trình bày:

Chị L và anh P quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Y, thị xã C, tỉnh D, được cấp giấy chứng nhận ngày 03/10/2018. Sau khi thành hôn thì anh chị sống cùng gia đình chị L tại tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh P cờ bạc, không quan tâm vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng chị L và anh P sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm

gì đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với anh P. Trong thời gian chung sống chị L và anh P có một con chung là Đặng Ngọc Bích PH, sinh ngày 21/7/2019, đang sống cùng chị L, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Đặng Văn Minh P trình bày:

Anh P thống nhất với lời trình bày của chị L về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, công việc làm ăn và về tài chính gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra thì gia đình hai bên có khuyên can, hàn gắn cho anh chị nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm được nên anh P đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh P có một con chung là Đặng Ngọc Bích PH, sinh ngày 21/7/2019, đang sống cùng chị L từ khi anh P và chị L ly thân cho đến nay, anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Bích L, cụ thể: Về hôn nhân: Công nhận chị Võ Bích L và anh Đặng Văn Minh P thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị Võ Bích L được quyền nuôi con chung là Đặng Ngọc Bích PH, sinh ngày 21/7/2019, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Võ Bích L đối với anh Đặng văn Minh P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Đặng Văn Minh P có nơi cư trú tại xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Bích L và anh Đặng Văn Minh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị L cho rằng hôn nhân giữa chị và anh P không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh P cờ bạc, không quan tâm vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến anh chị sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Anh P cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, công việc làm ăn và về tài chính gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa thì chị L và anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận chị L và anh P thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh P có một con chung là Đặng Ngọc Bích PH, sinh ngày 21/7/2019. Chị L và anh P đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu Đặng Ngọc Bích PH chưa được ba mươi sáu tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con; anh P cho rằng chị L không đủ điều kiện để tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Ngọc Bích PH nhưng không cung cấp được chứng cứ minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ; tuy anh P cung cấp được tài liệu chứng minh anh P có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc Bích PH sau khi ly hôn nhưng cháu Bích PH sống cùng chị L từ khi chị L và anh P sống ly thân cho đến nay, chị L cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Bích PH đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị L. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Đặng Ngọc Bích PH cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung là Đặng Ngọc Bích PH cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị L và anh P trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị L và anh P trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do chị L và anh P đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên chị L và anh P mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Bích L, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Bích L và anh Đặng Văn Minh P thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Ngọc Bích PH, sinh ngày 21/7/2019 cho chị Võ Bích L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn Minh P không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Võ Bích L, anh Đặng Văn Minh P hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Võ Bích L, anh Đặng Văn Minh P có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, PH thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh P trình bày không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Võ Bích L phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001648 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, còn lại 225.000 đồng hoàn trả cho chị Võ Bích L.

Anh Đặng Văn Minh P phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND phường Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

